TÒA ÁN NHÂN NHÂN TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 326/2020/DS-PT
Ngày: 03-9-2020
V/v tranh chấp:"Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Em.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều;
Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân-Thư ký Tòa án tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang*:** Bà Từ Thị Kỳ-Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2020/TLPT- DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 186/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Võ Ngọc H, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mỹ P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

- Ông Phan Văn C, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mỹ P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Trương Thị Lan C1, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mỹ P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mỹ P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T1, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người làm chứng: Bà Trần Thị N, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T2, huyện T3, tỉnh Long An.

5. Người kháng cáo: Bị đơn Phan Văn C, sinh năm 1970, địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mỹ P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Võ Ngọc H trình bày:

Ngày 18/01/2018, vợ chồng ông Phan Văn C, bà Trương Thị Lan C1 có vay của bà số tiền 800.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 20/01/2018. Khi vay có làm biên nhận do bà C1 viết, có ông Nguyễn Văn S là người bảo lãnh cho ông C bà C1 vay. Đến ngày 20/01/2018, ông C bà C1 có trả cho bà 500.000.000đồng, còn 300.000.000 đồng ông bà hứa trả vào ngày 22/01/2018 nhưng đến hạn ông bà không trả và kéo dài đến nay không trả cho bà. Nay bà yêu cầu ông C, bà C1 và ông S liên đới trả cho bà số tiền vay 300.000.000đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 22/01/2018 đến nay.

Bị đơn bà Trương Thị Lan C1 trình bày:

Bà thừa nhận có vay tiền của bà H số tiền 800.000.000đồng, về thời gian vay, thời hạn trả như bà H trình bày là đúng tuy nhiên mục đích vay để làm ăn mua bán lúa, lãi suất mỗi ngày 4.000đồng/1.000.000đồng, đến ngày 20/01/2018, bà có trả cho bà H số tiền 500.000.000đồng, hiện còn nợ 300.000.000đồng, bà đồng ý trả cho bà H số tiền này và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của bà H nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng và bắt đầu trả từ tháng 10 năm 2020. Ngoài ra, bà xác định toàn bộ số nợ này là nợ riêng của bà, chồng bà ông Phan Văn C hoàn toàn không biết, việc sử dụng tiền cũng là sử dụng riêng cho việc làm ăn của bà, không liên quan đến ông C.

Bị đơn ông Phan Văn C trình bày:

Ông là chồng của bà Trương Thị Lan C1, việc vay tiền giữa C1 với bà H ông hoàn toàn không biết, ông không có ký biên nhận nợ và cũng không sử dụng số tiền bà C1 vay. Nay bà H yêu cầu ông cùng trả số nợ này với bà C1 ông không đồng ý. Ngoài ra, ông yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vì thửa đất bị phong tỏa là tài sản riêng của ông và ông đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu Tr.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông là anh em cô cậu với ông Phan Văn C, vào ngày 17/01/2018, ông đến nhà ông C bà C1 để lấy tiền do ông C bà C1 nợ ông thì ông C bà C1 nhờ ông giới thiệu người cho vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Vì biết bà H cho vay tiền và ông C bà C1 là họ hàng bà con nên lúc đó ông có điện thoại cho bà H để hỏi cho

ông C bà C1 vay tiền thì bà H đồng ý. Ngày hôm sau 18/01/2018, bà C1 và ông đến nhà của bà H, bà C1 đã nhận của bà H 800.000.000đồng và viết biên nhận nợ, đồng thời bà H có yêu cầu ông phải ký làm chứng việc vay tiền. Ông xác định ông chỉ là người chứng kiến việc ông C bà C1 vay tiền của bà H, bản thân ông không có thế chấp hay bảo lãnh gì đối với việc ông C bà C1 vay tiền và cũng không hưởng bất kỳ lợi ích nào từ việc ông C bà C1 vay tiền của bà H. Do vậy, ông không đồng ý với yêu cầu của H về việc yêu cầu ông liên đới với ông C bà C1 trả số tiền 300.000.000đồng và lãi phát sinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Tr trình bày: Ông không biết và cũng không có ý kiến về việc tranh chấp tiền vay giữa bà H với vợ chồng ông C, bà C1 và ông S. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa thửa đất mà ông Phan Văn C đã chuyển nhượng cho ông, ông và ông C đã làm hợp đồng chuyển nhượng có công chứng theo quy định pháp luật, ông đã giao đủ tiền và thủ tục chuyển nhượng đã hoàn tất. Ngoài ra, thửa đất này ông C và bà C1 đã có thỏa thuận là tài sản riêng của ông C bằng văn bản cam kết về tài sản được công chứng theo quy định pháp luật vào ngày 25/7/2019. Do vậy, ông yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để ông được sang tên quyền sử dụng đất.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2019/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

- Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 137, Điều 138, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Ngọc H.

- Buộc ông Phan Văn C, bà Trương Thị Lan C1 liên đới trả cho bà Võ Ngọc H số tiền vay và lãi là 405.210.000 (bốn trăm lẻ năm triệu hai trăm mười ngàn) đồng.

- Kể từ ngày bà Võ Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Phan Văn C, bà Trương Thị Lan C1 còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Việc thay đổi, áp dụng bổ sung hoặc hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2019/QĐ-BPKCTT ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 137, Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Văn C, bà Trương Thị Lan C1 phải liên đới chịu 20.208.400 (hai mươi triệu hai trăm lẻ tám ngàn bốn trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Ngọc H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 20001 ngày 15/8/2019 của C1 cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự theo qui định pháp luật.

Ngày 19/11/2019 ông Phan Văn C kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T với nội dung đề nghị sửa phần quyết định tuyên ông Phan Văn C có nghĩa vụ liên đới với bà Trương Thị Lan C1 thanh toán cho bà Võ Ngọc H tổng số tiền vay và lãi là 405.000.000 đồng, đồng thời hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2019/QĐ-BPKCTT ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu khởi kiện

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ông C kháng cáo không đồng ý trả nợ cho bà H và yêu cầu hủy quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân huyện T là không có căn cứ bởi vì nợ trong thời kỳ hôn nhân, bà C1 vay để kinh doanh mua bán lúa và trả nợ ngân hàng nên đây là nợ chung của vợ chồng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C, bà C1 trả cho chị H số tiền vốn lãi 405.000.000 đồng là phù hợp. Đối với quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời phong tỏa quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 582, tờ bản đồ số 04 diện tích là 614,3m^2 do ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu 2, thị trấn Mỹ P, huyện T phần đất này ông C đã chuyển nhượng cho ông Tr nhưng ông Tr chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa đăng ký và sổ địa chính nên hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C và ông Tr chưa có hiệu lực. Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời phong tỏa quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông Phan Văn C còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, Tòa sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp " Hợp đồng vay tài sản" là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn C Hội đồng xét nhận thấy: Tài liệu chứng cứ thể hiện: Ngày 18/01/2018, bà Trương Thị Lan C1 có vay của bà Võ Thị H số tiền 800.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 20/01/2018. Khi vay bà C1 có làm biên nhận, có ghi tên ông C và có ông Nguyễn Văn S ký tên người bảo lãnh. Đến ngày 20/01/2018, ông C bà C1 có trả cho bà H 500.000.000đồng, còn 300.000.000đồng hứa trả vào ngày 22/01/2018 nhưng đến hạn ông C bà C1 không thực hiện. Bà H yêu cầu ông C, bà C1 và ông S liên đới trả cho bà H số tiền vay 300.000.000đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 22/01/2018 đến nay.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C bà C1, liên đới trả cho bà H tiền vốn và lãi đến ngày xét xử là 405.000.000 đồng là có căn cứ. Bởi vì theo lời trình bày của bà H là ngày 18/01/2018 bà C1 nhận số tiền của bà là để trả nợ đáo hạn cho ngân hàng mà nợ này của ông C, bà C1. Tòa án cấp sơ thẩm có trích lục hồ sơ vay vốn của ông C, bà C1 tại Ngân hàng TMCP Công thương Tiền Giang C1 nhánh Tây Tiền Giang được Ngân hàng trả lời tại công văn số: 81/CNTTG-TH ngày 02/10/2019 là ngày 18/01/2018 bà C1, ông C có trả cho Ngân hàng số tiền 801.074.000 đồng lời khai này của bà H trùng khớp với xác nhận của Ngân hàng về thời gian bà C1 và ông C trả nợ cho Ngân hàng. H nữa ông S là người giới

thiệu cho bà C1 và ông C vay tiền của bà H cũng xác định là ông C và bà C1 cùng vay tiền của bà H.

Ông C kháng cáo cho rằng số tiền trả cho Ngân hàng ngày 18/01/2018 là ông mượn của bà Trần Thị N còn bà C1 thừa nhận vay tiền của bà H là để mua bán lúa là nợ của riêng bà, ông C không biết vì bà và ông C làm ăn riêng. Tuy nhiên tại biên bản phiên tòa ngày 06/11/2019 bà N khai quen biết với ông C, bà C1 là do nhiều lần gặp họ đi mua bán lúa chung. Mặc dù số tiền bà H cho bà C1 ông C vay để trả nợ đáo hạn Ngân hàng hay đi mua bán lúa cũng là việc làm ăn chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tại phiên tòa phúc thẩm ông C, bà C1 cũng thừa nhận trước khi vay tiền của bà H là ông bà đi mua bán lúa chung do bà C1 làm nợ nên hai người làm ăn riêng.Theo Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung.Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C bà C1, liên đới trả cho bà H tiền vốn và lãi đến ngày xét xử là 405.000.000 đồng là phù hợp. Do đó kháng cáo của ông C là không đồng ý cùng bà C1 trả nợ cho bà H là không có căn cứ.

Ngoài ra ông C kháng cáo yêu cầu hủy quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân huyện T phong tỏa quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 582, tờ bản đồ số 04 diện tích là 614,3m^2 do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu 2, thị trấn Mỹ P, huyện T vì tài sản này là của ông.

Xét thấy ông C bà C1 còn phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H tiền vốn và lãi như trên là 405.000.000 đồng bà H có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T áp dụng khẩn cấp tạm thời phong tỏa quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 582, tờ bản đồ số 04 diện tích là 614,3m^2 do ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu 2, thị trấn Mỹ P, huyện T. Ngày 15/8/2019 Tòa án nhân dân huyện T có ra quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời phong tỏa quyền sử dụng đất nêu trên để đảm bảo thi hành án. Tuy nhiên diện tích đất này ông C đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu Tr ngày 25/7/2019, ông Tr đã nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất ngày 13/8/2019 và được C1 nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T hẹn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng vào ngày 22/8/2019 nhưng do có quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời của Tòa án nên C1 nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện T chưa giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tr. Tại phiên Tòa phúc thẩm ông Tr có yêu cầu trích lục hồ sơ cấp giấy cho cho ông tại C1 nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện T và định giá tài sản lại vì phần đất trên ông chuyển nhượng giá thực tế là 800.000.000 đồng. Tại công văn số: 398/CV-CN. VPĐKQSDĐ ngày 09/6/2020 của C1 nhánh Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T trả lời " ……hiện ông Nguyễn Hữu Tr chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị phong tỏa quyền sử

dụng đất thửa đất số 582, tờ bản đồ số 04, diện tích 614,3m^2 địa chỉ khu 2, thị trấn Mỹ P, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNCH00949 do UBND huyện T cấp cho ông Phan Văn C. Theo Điều 502 Bộ luật Dân sự 2015 qui định "Việc chuyển nhượng quyền sử dụng có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký theo qui định của Luật đất đai" và tại khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai 2013 quy định "Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính". Như phần đất này ông Tr chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chưa đăng ký theo qui định tại khoản 6 Điều 26 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C và ông Tr chưa có hiệu lực. Tại mục 8 phần IV Dân sự của Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn "…….. Nếu bị đơn đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bên nhận chuyển nhượng, hợp đồng được công chứng nhưng chưa đăng ký vào sổ địa chính thì thửa đất đó vẫn thuộc quyền sử dụng của bị đơn, nên tòa án được áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự." H nữa theo chứng thư thẩm định giá của công ty TNHH thẩm định giá NOVA ngày 05/8/2020 giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 614,3m^2 là 239.235.000 đồng thấp hơn nghĩa vụ tài sản mà người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có nghĩa vụ phải thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời số: 11/2019/QĐ-BPKCTT ngày 15/8/2019 phong tỏa quyền sử dụng đất thửa đất số 582, tờ bản đồ số 04, diện tích 614,3m^2 địa chỉ khu 3, thị trấn Mỹ P, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00949 do UBND huyện T cấp cho ông Phan Văn C là có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C yêu cầu hủy quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời. Thủ tục áp dụng, hủy bỏ, thay đổi quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo Điều 137 Bộ Luật tố tụng dân sự nên sửa 01 phần án sơ thẩm số: 42/2019/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

Đối với các phần khác của quyết định án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị xem như có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng bà H đã nộp tài khoản bảo đảm tại sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00010398366 ngày 15/8/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T, tỉnh Tiền Giang được nhận lại khi quyết định trên bị hủy bỏ.

Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 188 Luật Đất đai;

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn C

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2019/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Ngọc H.

- Buộc ông Phan Văn C, bà Trương Thị Lan C1 liên đới trả cho bà Võ Ngọc H số tiền vay và lãi là 405.210.000 (bốn trăm lẻ năm triệu hai trăm mười ngàn) đồng. Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bà Võ Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Phan Văn C, bà Trương Thị Lan C1 còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Việc thay đổi, áp dụng bổ sung hoặc hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2019/QĐ-BPKCTT ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 137, Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được cấn trừ 300.000 đồng tạm ứng án dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 20087 ngày 19/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Ông Phan Văn C, bà Trương Thị Lan C1 phải liên đới chịu 20.208.400 (hai mươi triệu hai trăm lẻ tám ngàn bốn trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Ngọc H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 20001 ngày 15/8/2019 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ khi tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Em